

Số: 09/2023/QĐST-HNGĐ

Hà Nam, ngày 24 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Đức Thủy.

Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Văn Mừng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên họp: Bà Vũ Thị Thanh Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 22/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2023 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 08/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023, những người tham gia tố tụng gồm:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Nguyễn Duy H, sinh năm 1981; nơi ĐKKHKT: Tổ 5, phường Q, thành phố P, tỉnh Hà Nam; chỗ ở hiện nay: M21.5...Neuwied - Cộng hoà Liên bang Đức.

- Chị Trần Thị Thu H1, sinh năm 1992; nơi ĐKKHKT: Tổ 8, phường H, thành phố P, tỉnh Hà Nam; chỗ ở hiện nay: K-L.1...Leipzig, Germany - Cộng hoà Liên bang Đức.

- Người đại diện theo ủy quyền để giao nhận tài liệu tố tụng của anh Nguyễn Duy H là chị Trần Thị Thu H1.

Phiên họp có chị H1; anh H có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ việc của anh Nguyễn Duy H và chị Trần Thị Thu H1, nội dung yêu cầu giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Duy H và chị Trần Thị Thu H1 kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 18 tháng 6 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng

chung sống mỗi người một nơi, anh H sống tại Đức còn chị H1 sống tại tổ 8, phường H, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Đến tháng 02 năm 2019, chị H1 sang Đức ở với anh H; thời gian đầu vợ chồng sống hoà thuận, hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống và không tìm được tiếng nói chung. Tháng 4 năm 2022, vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và muốn chấm dứt hôn nhân để xây dựng hạnh phúc mới; đồng thời, thống nhất đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam giải quyết công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh Nguyễn Duy H và chị Trần Thị Thu H1 đều xác định vợ chồng không có con chung và không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về con riêng: Chị Trần Thị Thu H1 có 02 con riêng (1) Phan Hoàng Gia L, sinh ngày 04 tháng 02 năm 2015; (2) Trần Phương L1, sinh ngày 17 tháng 02 năm 2018. Khi ly hôn, chị H1 tự chịu trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc hai con riêng, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con riêng của chị H1; anh Nguyễn Duy H từ chối nhận con và không chu cấp cho hai cháu (Gia L, Phương L1) hiện tại và sau này. Chị Trần Thị Thu H1 không đề nghị Tòa án giải quyết phần con riêng.

Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Anh Nguyễn Duy H và chị Trần Thị Thu H1 đều thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh Nguyễn Duy H và chị Trần Thị Thu H1 thỏa thuận chị H1 nộp toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Tại phiên họp, chị Trần Thị Thu H1 vẫn giữ nguyên quan điểm và không sửa đổi, bổ sung nội dung yêu cầu. Đồng thời, xác định đã chuyển Quyết định mở phiên họp cho anh Nguyễn Duy H và anh H đã nhận được, nhất trí không có ý kiến gì.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam đề nghị Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 29; Điều 37; Điều 396; Điều 370 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 55 và Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình. Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Duy H và chị Trần Thị Thu H1. Lệ phí ly hôn sơ thẩm: Chấp nhận sự thỏa thuận của anh Nguyễn Duy H và chị Trần Thị Thu H1, buộc chị H1 phải nộp toàn bộ lệ phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân và gia đình được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự có mặt tại phiên họp và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát; Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Duy H và chị Trần Thị Thu H1 có đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Cả hai anh chị đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại thành phố P, tỉnh Hà Nam và đang cư trú tại Cộng hoà Liên bang Đức nên

Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam thụ lý giải quyết việc hôn nhân và gia đình là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 2 Điều 29 và Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên họp, anh Nguyễn Duy H vắng mặt và đã có đơn đề nghị vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án mở phiên họp giải quyết việc dân sự vắng mặt anh H theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Duy H và chị Trần Thị Thu H1 kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 18 tháng 6 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Hà Nam, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, anh Nguyễn Duy H sang Đức làm ăn sinh sống, còn chị Trần Thị Thu H1 sinh sống tại Việt Nam đến tháng 02 năm 2019, chị H1 sang Cộng hoà Liên bang Đức sinh sống cùng anh H. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận hạnh phúc được thời gian đầu; sau đó, phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống và không tìm được tiếng nói chung. Tháng 4 năm 2022, vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi và không quan tâm tới nhau, tình cảm ngày càng lạnh nhạt, xa cách. Nay, anh Nguyễn Duy H và chị Trần Thị Thu H1 đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và muốn chấm dứt cuộc hôn nhân để xây dựng hạnh phúc mới. Xét thấy: Mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, cả hai cùng yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Duy H và chị Trần Thị Thu H1 đều xác định không có nên không xem xét giải quyết.

[4] Về con riêng: Chị Trần Thị Thu H1 và anh Nguyễn Duy H đều thống nhất xác định chị H1 có hai con riêng (1) Phan Hoàng Gia L, sinh ngày 04 tháng 02 năm 2015; (2) Trần Phương L1, sinh ngày 17 tháng 02 năm 2018; hiện cả hai cháu đang ở với chị H1. Mặc dù, chị Trần Thị Thu H1 không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết về con chung nhưng để đảm bảo quyền lợi của các cháu, Tòa án tiếp tục giao cháu Phan Hoàng Gia L và cháu Trần Phương L1 cho chị H1 nuôi dưỡng, giáo dục, anh Nguyễn Duy H không phải cấp dưỡng nuôi con riêng.

[5] Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Anh Nguyễn Duy H và chị Trần Thị Thu H1 đều không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Lệ phí ly hôn sơ thẩm: Chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự; Buộc chị Trần Thị Thu H1 chịu toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 29; Điều 37; khoản 2 Điều 149; Điều 361; Điều 362; Điều 367; Điều 369; Điều 370; Điều 371 và Điều 396 của Bộ luật Tố tụng dân

sự. Điều 51; Điều 55 và Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Duy H và chị Trần Thị Thu H1.

2. Về con riêng: Giao cháu Phan Hoàng Gia L, sinh ngày 04 tháng 02 năm 2015 và cháu Trần Phương L1, sinh ngày 17 tháng 02 năm 2018 cho chị Trần Thị Thu H1 tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi các cháu đủ 18 tuổi và lao động tự lập được. Anh Nguyễn Duy H không phải cấp dưỡng nuôi con riêng cho chị Trần Thị Thu H1.

3. Lệ phí ly hôn sơ thẩm: Chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự; Buộc chị Trần Thị Thu H1 phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm. Đồi trừ số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí chị H1 đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0002512 ngày 05 tháng 5 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam (Chị H1 đã nộp đủ).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 8 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- Phòng KTNV&THAHS Tòa án tỉnh Hà Nam;
- UBND phường H, TP. P;
- UBND phường Q, TP. P;
- UBND thành phố P, tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Lưu TDS, HCTP;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN HỌP

(Đã ký)

Nguyễn Đức Thủy